

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 04 - 6 - 2020

“V/v chia tài sản chung sau
ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phần

Các thẩm phán:

Bà Thái Thị Hồng Vân

Bà Nguyễn Thị Hải Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc “chia tài sản chung sau ly hôn”

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân M, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Công H, sinh năm 1967. Có mặt.

Quê quán: Thôn Đại Đồng, xã Q, thị xã M, tỉnh Nghệ An

Hiện công tác tại: , huyện S, tỉnh Nghệ An

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1973. Trú tại: Thôn Đại Đồng, xã Q, thị xã M, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Lê Anh D, sinh năm 1999. (Con anh H, chị H). Vắng mặt.

Quê quán: Thôn 3, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

Hiện đang học lớp bán vụ đại đội 1, tiểu đoàn 5 Trường cao đẳng kỹ thuật Q, phường C, quận 2 thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngân hàng HTX Anh Lê Công H . Địa chỉ: số 4 đường Dương Văn Ng , phường C, , tỉnh Nghệ An. Đại diện theo pháp luật: ông Đặng Công L , chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Lê Thị H , bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2018, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm Anh Lê Công H trình bày: Anh H và chị Lê Thị H trước đây là vợ chồng, do mâu thuẫn chị H làm đơn ly hôn và được Tòa giải quyết công nhận thuận tình ly hôn ngày 26/10/2018. Về tài sản chung hai bên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia.

Tài sản chung đã được hội đồng định giá ngày 29/03/2019 gồm có: Ngôi nhà via hai gian, gác xép trị giá 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); Nhà bếp và công trình phụ khép kín trị giá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Bờ tường rào xây, bờ rào sắt và cánh cổng sắt tổng trị giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng); Mái tôn phía trước nhà bếp, nhà vệ sinh và phía hai bên trị giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Mái tôn xóp phía trước nhà ở trị giá 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); Sân lát gạch hoa trước nhà trị giá 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng); Sân nền bê tông trước nhà bếp và công trình phụ trị giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng); Số tài sản này tọa lạc trên Diện tích đất 291,1m² có nhà và các công trình nói trên nay thuộc thửa số 107 tờ bản đồ số 20 (bản đồ số) có giá trị quyền sử dụng đất 1.288.000.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi tám triệu đồng); Diện tích đất ở, đất vườn diện tích 200m² nay thuộc thửa đất số 171 tờ bản đồ số 18 (bản đồ số) có giá trị quyền sử dụng đất là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Tài sản trên sau khi ly hôn Anh H và chị H không tự thỏa thuận phân chia được nên Anh H yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị cho hai người được hưởng.

Về các loại tài sản khác như; xe máy, chăn, màn, giường, bàn ghế, tủ lạnh và một số vật dụng sinh hoạt nhỏ khác đã cũ, giá trị không đáng kể hai bên tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu giải quyết. Anh H và chị H không vay nợ ai và cũng không ai vay nợ gì.

Chị Lê Thị H trình bày: Chị H thống nhất theo đơn Anh Lê Công H trình bày tài sản chung gồm có 291,1m² đất ở đất vườn tại thôn 3 xã Q trên phần diện tích đất này có công trình nhà ở, nhà bếp, công trình phụ, mái tôn, sân phơi, bờ rào xây và thửa đất ở 200m². Hai thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

mang tên Lê Công H và Lê Thị H . Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định, chị H xin nhận thừa đất chưa có nhà ở.

Trong thời gian chung sống vợ chồng, lương của Anh H nhận từ tháng 1/2014 đến tháng 09/2018 là 1.135.000.000đ, nhưng Anh H không đóng góp xây dựng gì trong gia đình. Do điều kiện khó khăn chị phải vay nợ Ngân hàng HTX Việt Nam chi nhánh Nghệ An và vay nợ thế chấp bìu đồ trong dân (không nhớ ai) tổng cộng 500.000.000 đồng để tu sửa tài sản và chi dùng trong gia đình. Nay phân chia tài sản chung hai người cùng phải chịu trách nhiệm khoản nợ này.

Ngoài ra tài sản chung còn có một mảnh đất 738m² do bố mẹ Anh H cho vợ chồng, năm 2004 chị và Anh H đã chuyển nhượng cho anh Châu 410m² nay còn 328m² chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị H đề nghị chia theo pháp luật.

Anh Lê Anh D trình bày: Anh D là con đẻ của ông Lê Công H bà Lê Thị H , trong thời gian sống làm ăn chung, anh D có công sức đóng góp phát sinh tài sản chung trong gia đình. Nay ông H bà H yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, anh D yêu cầu ông H , bà H trích trả công sức cho anh là 50.000.000đ.

Đại diện ngân hàng HTX Việt Nam chi nhánh Nghệ An trình bày: Chị Lê Thị H hiện đang vay vốn tại Ngân hàng HTX chị H với hình thức trích lương hàng tháng để trả nợ. Khoản nợ này hiện chị H đang thực hiện đúng theo hợp đồng và chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Áp dụng: Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Xử: Giao cho Anh Lê Công H được quyền nhận sở hữu tài sản chung gồm: Ngôi nhà via hai gian, gác xép; Nhà bếp và công trình phụ khép kín; Bờ tường rào xây, bờ rào sắt và cánh cổng sắt; mái tôn phía trước nhà bếp, nhà vệ sinh và phía bên nhà hai gian; Mái tôn xóp phía trước nhà ở; sân lát gạch hoa trước nhà; sân nền bê tông trước nhà bếp và công trình phụ và quyền sử dụng 291,1m² diện tích đất ở, đất vườn có công trình nhà ở anh được giao sở hữu nói trên (trong đó có 200m² đất ở và 91m² đất vườn) thuộc thửa số 107 tờ bản đồ số 20 (bản đồ số) tại xóm 3 xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Hiện vật tài sản Anh H nhận có tổng trị giá là 1.511.000.000đ (một tỷ năm trăm mười một triệu đồng).

Anh H bù tiền chênh lệch phân chia tài sản và hỗ trợ thêm cho chị H 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và trích trả tiền công sức cho anh Lê Anh D

50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), phần còn lại trị giá tài sản Anh H được hưởng 861.000.000đ (Tám trăm sáu mươi một triệu đồng)

Giao cho chị Lê Thị H được quyền sử dụng 200m² đất thuộc thửa số 171 thuộc tờ bản đồ số 18 (bản đồ số) tại thôn 3 xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An có trị giá quyền sử dụng đất 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và nhận sở hữu tiền chênh lệch phân chia tài sản và hỗ trợ thêm do Anh H giao lại là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Tổng trị giá tài sản chị H được hưởng là 1.150.000.000đ (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Các tài sản gồm: Xe máy, chăn, màn, giường, bàn ghế, tủ lạnh và một số vật dụng sinh hoạt nhỏ khác giá trị không đáng kể, anh Huấn, chị H tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ anh H, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ai trực tiếp vay ai thì người đó tự chịu trách nhiệm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2019 chị Lê Thị H kháng cáo với các nội dung: Về phần tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm chia cho Anh H được hưởng gần ½ tổng giá trị tài sản chung là không công bằng.

Đề nghị xem xét, phân chia về khoản tiền lương gần 5 năm của Anh Lê Công H không đưa về gia đình và số tiền lo công việc cho con trai Lê Anh D.

Đối với số nợ trong thời kỳ hôn nhân: Đề nghị buộc Anh H phải có trách nhiệm cùng chị trả nợ số tiền 200.000.000đ vay của Ngân hàng HTX Việt Nam.

Đề nghị cấp phúc thẩm công nhận thừa đất diện tích 328m² có nguồn gốc do bố mẹ Anh H chuyển nhượng lại là tài sản chung của vợ chồng. Chị đề nghị cấp phúc thẩm xem xét và tạo điều kiện cho chị được nhận phần tài sản chung là nhà ở là căn nhà hiện tại chị đang sinh sống, là tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lê Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của chị Lê Thị H; áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh Lê Anh D phải chịu án phí đối với số tiền trích công sức; bổ sung tuyên phần lãi suất chậm thi hành án và rút kinh nghiệm cho cấp sơ thẩm các thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Lê Thị H và Anh Lê Công H trước đây là vợ chồng, tại Quyết định số 67 ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An giải quyết cho Anh H và chị H thuận tình ly hôn và nuôi con chung. Về tài sản chung của chị H và Anh H chưa yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm Chị Lê Thị H và Anh Lê Công H xác định khối tài sản chung sau khi ly hôn chưa chia gồm các loại tài sản:

Thửa đất số 107 tờ bản đồ số 20 tại xóm 3, xã Quỳnh Liên, thị xã Hoàng Mai diện tích 291,1m² (200m² đất ở, 91,1m² đất vườn) trị giá 1.288.000.000 đồng; các công trình, tài sản tọa lạc trên thửa đất gồm; ngôi nhà via 2 gian trị giá 150.000.000 đồng, nhà bếp + công trình phụ khép kín trị giá 30.000.000 đồng, hệ thống tường rào xây + sắt + cánh cổng trị giá 7.000.000 đồng; hệ thống mái tôn che phía trước nhà + bếp + nhà vệ sinh trị giá 10.000.000 đồng; mái tôn xóp phía trước nhà chính là 20.000.000 đồng, sàn lát gạch hoa 4.500.000 đồng; sàn láng bê tông trước nhà bếp trị giá 1.500.000 đồng và thửa đất số 171, tờ bản đồ số 18 tại thôn 3, xã V, thị xã V diện tích 200m² trị giá 550.000.000 đồng. Tổng cộng: 2.061.000.000 đồng.

Ngoài ra còn có một số loại tài sản chung khác xe máy phương tiện đi lại và các tài sản khác là tài sản chung phục vụ sinh hoạt trong gia đình hai người tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét các nội dung kháng cáo của chị Lê Thị H cho rằng, cấp sơ thẩm chia cho Anh H được hưởng gần ½ tổng trị giá tài sản chung vợ chồng là không công bằng. Thấy rằng; tổng giá trị tài sản chung của chị H, Anh H trong thời kỳ hôn nhân được xác định là 2.061.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, trên cơ sở sự thống nhất tự nguyện thỏa thuận giữa chị H và anh H, cấp sơ thẩm đã quyết định giao cho Anh H được sở hữu ngôi nhà ở, các công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng 291,1m² tại thửa số 107, tờ bản đồ số 20 (bản đồ số); chị H được quyền sử dụng diện tích 200m² tại thửa số 171 tờ bản đồ số 18 (Bản đồ số) tại xóm 3, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Anh H trích công sức cho anh D và trích chênh lệch trị giá tài sản cho chị H, tổng trị giá tài sản Anh H sau khi trích còn được hưởng 861.000.000 đồng còn chị H được hưởng là 1.150.000.000 đồng cao hơn phần Anh H 289.000.000 đồng, do đó yêu cầu này của chị H không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị H được nhận phần tài sản có nhà và các công trình trên đất thấy rằng: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm chị H thống nhất tự

nguyên nhận phần đất không có nhà. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận theo yêu cầu của chị H được quyền sử dụng thửa đất số 171, tờ bản đồ số 18 diện tích 200m² và Anh H trích giá trị chênh lệch và hỗ trợ cho chị H là 600.000.000 đồng. Mặt khác tại cấp phúc thẩm Anh H không chấp nhận đòi lại phần tài sản mà cấp sơ thẩm chia cho vợ chồng. Hơn nữa, theo anh H, anh là bộ đội chỉ hơn một năm nữa là nghỉ hưu theo chế độ, nên rất cần nơi ở để ổn định cuộc sống. Do đó yêu cầu này của chị H không có cơ sở để chấp nhận.

Xét yêu cầu của chị H cho rằng trong thời kỳ hôn nhân Anh H là bộ đội có lương thu nhập cao, nhưng không có trách nhiệm đóng góp xây dựng gia đình, thấy rằng: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng cùng nhau xây dựng, tạo lập kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, đây cũng là quyền vừa là nghĩa vụ của cả hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên vấn đề việc làm thu nhập của vợ hoặc chồng gắn liền với nhân thân và cuộc sống của từng cá nhân. Và tại phiên tòa phúc thẩm cả chị H và Anh H đều xác định vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2002 và đã lâu hai người sống ly thân nhau, không quan tâm gì đến nhau kể cả về vật chất lẫn tinh thần. Do đó chị H cho rằng trong thời gian từ năm 2014 đến tháng 9/2018 Anh H không có nghĩa vụ với gia đình và yêu cầu Anh H phải trích chia khoản tiền thu nhập từ lương của Anh H là không có cơ sở để chấp nhận. Còn việc lo công việc cho các con chung là quyền và trách nhiệm của người cha, người mẹ với con cái nên không thể buộc Anh H phải chịu.

Xét yêu cầu của chị H về khoản nợ Ngân hàng Hợp V chi nhánh Nghệ An. Trong quá trình giải quyết việc chị H và đại diện ngân hàng xác định đây là khoản nợ chị H đứng ra làm hợp đồng vay theo hình thức tín chấp thanh toán bằng tiền lương hàng tháng của chị H và tại cấp sơ thẩm cũng chấp nhận chị H trả thì chị H trả. Nay chị H lại yêu cầu Anh H phải có nghĩa vụ đối với khoản nợ này không có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị H về 1 phần diện tích đất 738m² do bố mẹ Anh H cho vợ chồng năm 2004 thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã yêu cầu chị H cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh diện tích thửa đất là tài sản chung của vợ chồng, nhưng chị H không có căn cứ để chứng minh và cũng không nộp chi phí thẩm định, định giá tài sản. Hơn nữa tại phiên tòa sơ thẩm chị H không yêu cầu phân chia phần diện tích đất này nữa. Nay chị H lại yêu cầu nên không có căn cứ để chấp nhận. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Từ các nội dung phân tích, đánh giá nêu trên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị H giữ nguyên quyết định của bản án cấp sơ thẩm.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn có một số nội dung thiếu sót mà ý kiến Kiểm sát viên nêu tại phiên tòa phúc thẩm, cần bổ sung, chỉnh lại cho phù hợp, nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm. Anh D là người được trích tiền công sức nên không phải chịu án phí sơ thẩm.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Tại phiên tòa phúc thẩm Anh H là người nộp tạm ứng tự nguyện chịu toàn bộ và đã thực hiện xong nên miễn xét.

Về án phí: Kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị H, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm. Áp dụng Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Giao cho Anh Lê Công H được quyền nhận sở hữu tài sản chung gồm: Nhà via hai gian, gác xép; Nhà bếp và công trình phụ khép kín; Bờ tường rào xây, bờ rào sắt và cánh cổng sắt; mái tôn phía trước nhà bếp, nhà vệ sinh và phía bên nhà hai gian; Mái tôn xộp phía trước nhà ở; sân lát gạch hoa trước nhà; sân nền bê tông trước nhà bếp và công trình phụ và quyền sử dụng 291,1m² diện tích đất ở, đất vườn có công trình nhà ở anh được giao sở hữu nói trên (trong đó có 200m² đất ở và 91,1m² đất vườn) thuộc thửa số 107 tờ bản đồ số 20 (bản đồ số) tại xóm 3 xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Hiện vật tài sản Anh H nhận có tổng trị giá là 1.511.000.000đ (một tỷ năm trăm mười một triệu đồng).

2. Anh H bù tiền chênh lệch phân chia tài sản và hỗ trợ thêm cho chị H 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và trích trả tiền công sức cho anh Lê Anh D 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), phần còn lại trị giá tài sản Anh H được hưởng 861.000.000đ (Tám trăm sáu mươi một triệu đồng)

3. Giao cho chị Lê Thị H được quyền sử dụng 200m² đất thuộc thửa số 171 thuộc tờ bản đồ số 18 (bản đồ số) tại thôn 3 xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An có trị giá quyền sử dụng đất 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) và nhận sở hữu tiền chênh lệch phân chia tài sản và hỗ trợ thêm do Anh H giao lại là 600.000.000đ

(Sáu trăm triệu đồng). Tổng trị giá tài sản bị Hủy hoại là 1.150.000.000đ (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

- Anh Lê Anh Được nhận 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) công sức về tài sản do Anh Lê Công H giao lại.

Các tài sản gồm: Xe máy, chăn, màn, giường, bàn ghế, tủ lạnh và một số vật dụng sinh hoạt nhỏ khác giá trị không đáng kể, anh Huân, chị Htự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(Anh Lê Công H và chị Lê Thị H đều có nghĩa vụ thi hành án về tài sản cho nhau).

Về nợ anh Huân, chị Hkhông yêu cầu Tòa án giải quyết, ai trực tiếp vay ai thì người đó tự chịu trách nhiệm trả.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Công H phải chịu 37.830.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) Anh H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Nghệ An, theo biên lai thu tiền số 0004612 ngày 17 tháng 12 năm 2018. Nay Anh H phải nộp tiếp 7.830.000đ (bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng); Chị H phải nộp 46.500.000đ (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về án phí phúc thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự N, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu số 0006967 ngày 17/12/2019.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND TX H;
- THADS TX H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phần